

<p>- TBHT điều hành trò chơi: Truyền điện</p> <p>- Tổ chức cho học sinh truyền nhau nêu phép tính và kết quả của phép tính dạng $51 - 15$ hoặc dạng $36 + 15, (...)$.</p> <p>- Giáo viên nhận xét, tổng kết trò chơi và tuyên dương những học sinh trả lời đúng và nhanh.</p> <p>- Giới thiệu bài mới và ghi đầu bài lên bảng: 12 trừ đi một số: 12 - 8</p>	<p>- Học sinh tham gia chơi.</p> <p>- Lắng nghe.</p> <p>- Học sinh mở sách giáo khoa, trình bày bài vào vở.</p>
<p>2. HĐ hình thành kiến thức mới: (15 phút)</p> <p>*Mục tiêu: Biết cách thực hiện phép trừ dạng $12 - 8$, lập được bảng 12 trừ đi một số.</p> <p>*Cách tiến hành:</p>	
<p>Việc 1: Phép trừ $12 - 8$ Làm việc cả lớp -> Làm việc cá nhân - cả lớp -> Làm việc cá nhân</p> <p>Nêu vấn đề:</p> <p>- Có 12 que tính, bớt đi 8 que tính. Hỏi còn lại bao nhiêu que tính?</p> <p>- Muốn biết còn bao nhiêu que tính ta làm thế nào?</p> <p>- Viết lên bảng: $12 - 8$</p> <p>Đi tìm kết quả:</p> <p>- Yêu cầu học sinh sử dụng que tính để tìm kết quả.</p> <p>- Yêu cầu học sinh nêu cách bớt</p> <p>- 12 que tính bớt 8 que tính còn lại mấy que tính?</p> <p>- Vậy 12 trừ 8 bằng bao nhiêu?</p> <p>Đặt tính và thực hiện phép tính:</p> <p>- Yêu cầu 1 học sinh lên bảng đặt tính và thực hiện phép tính.</p> <p>- Yêu cầu học sinh nêu cách đặt tính và thực hiện phép tính.</p> <p>Việc 2: Bảng công thức: 12 trừ đi một số Làm việc cá nhân - cả lớp</p> <p>- Cho học sinh sử dụng que tính tìm kết quả các phép tính trong phần bài học. Yêu cầu học sinh thông báo kết quả và ghi lên bảng.</p>	<p>- Nghe và nhắc lại bài toán.</p> <p>- Thực hiện phép trừ: $12 - 8$.</p> <p>- Theo dõi.</p> <p>- Thao tác trên que tính. Trả lời: 12 que tính, bớt 8 que tính, còn lại 4 que tính.</p> <p>- Đầu tiên bớt 2 que tính. Sau đó tháo bỏ que tính và bớt đi 6 que nữa (vì $2 + 6 = 8$). Vậy còn lại 4 que tính</p> <p>- Còn lại 4 que tính</p> <p>- 12 trừ 8 bằng 4</p> $\begin{array}{r} 12 \\ - 8 \\ \hline 4 \end{array}$ <p>- Viết 12 rồi viết 8 xuống dưới thẳng cột với 2. Viết dấu $-$ và kẻ vạch ngang. 12 trừ 8 bằng 4 viết 4 thẳng cột đơn vị.</p> <p>- Thao tác trên que tính, tìm kết quả và ghi vào bài học. Nói tiếp nhau đọc kết quả của từng phép</p>

<p>- Xóa dần bảng công thức 1 trừ đi một số cho học sinh học thuộc.</p> <p><i>Lưu ý giúp đỡ đối tượng M1, M2</i></p>	<p>tính.</p> $12 - 3 = 9 \qquad 12 - 7 = 5$ $12 - 4 = 8 \qquad 12 - 8 = 4$ $12 - 5 = 7 \qquad 12 - 9 = 3$ $12 - 6 = 6$ <p>- Học thuộc lòng bảng công thức 12 trừ đi một số.</p>
<p>3. HD thực hành: (14 phút)</p> <p>*Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết cách thực hiện phép trừ dạng $12 - 8$. - Biết giải bài toán có một phép trừ dạng $12 - 8$. <p>*Cách tiến hành:</p>	
<p>Bài 1 (phần a): Làm việc cá nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu yêu cầu của bài 1 - Yêu cầu học sinh tự nhẩm và ghi kết quả - Gọi học sinh đọc chữa bài - Yêu cầu học sinh giải thích vì sao kết quả $3+9$ và $9+3$ bằng nhau - Yêu cầu giải thích vì sao khi biết $9 + 3 = 12$ có thể ghi ngay kết quả của $12 - 3$ và $12 - 9$ mà không cần tính <p>Bài 2: Làm việc cá nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho học sinh nêu yêu cầu. - Yêu cầu học sinh tự làm bài <p>- Giáo viên chốt kết quả, nhận xét chung.</p> <p>Bài 4: Làm việc cá nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi học sinh đọc đề bài. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nêu yêu cầu của bài: Tính nhẩm. - Làm bài vào vở - Đọc chữa bài. Cả lớp tự kiểm tra bài mình $9 + 3 = 12 \qquad 8 + 4 = 12$ $3 + 9 = 12 \qquad 4 + 8 = 12$ $12 - 9 = 3 \qquad 12 - 8 = 4$ $12 - 3 = 9 \qquad 12 - 4 = 8$ $7 + 5 = 12 \qquad 6 + 6 = 12$ $5 + 7 = 12 \qquad 12 - 6 = 6$ $12 - 7 = 5 \qquad 12 - 5 = 7$ <ul style="list-style-type: none"> - Vì khi đổi chỗ các số hạng trong tổng thì tổng không đổi. - Vì khi lấy tổng trừ đi số hạng này sẽ được số hạng kia. 9 và 3 là các số hạng, 12 là tổng trong phép cộng $9+3=12$ <p>- HS nêu yêu cầu của bài: <i>Tính</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh làm bài, 2 em ngồi cạnh nhau đổi vở kiểm tra bài cho nhau. $\begin{array}{r} 12 \\ - 5 \\ \hline 7 \end{array} \quad \begin{array}{r} 12 \\ - 6 \\ \hline 6 \end{array} \quad \begin{array}{r} 12 \\ - 8 \\ \hline 4 \end{array} \quad \begin{array}{r} 12 \\ - 7 \\ \hline 5 \end{array}$ <ul style="list-style-type: none"> - Đọc đề - Bài toán cho biết có 12 quyển

<p>- Bài toán cho biết gì?</p> <p>- Bài toán hỏi gì?</p> <p>- Mời 1 học sinh lên bảng tóm tắt và giải, cả lớp làm bài vào vở.</p> <p>- Giáo viên chấm nhanh bài làm của một số học sinh.</p> <p>- Cho học sinh nhận xét bài trên bảng.</p> <p>- Giáo viên nhận xét chung.</p> <p><i>Lưu ý giúp đỡ để đối tượng M1 hoàn thành BT</i></p> <p>🔴 Bài tập PTNL:</p> <p>Bài tập 1 (phần b) (M3):</p> <p>- Yêu cầu học sinh tự làm bài và giải thích vì sao $12 - 2 - 7$ có kết quả bằng $12 - 9$</p> <p>Bài tập 3 (M4):</p> <p>- Yêu cầu học sinh nêu lại cách tìm hiệu khi đã biết số bị trừ rồi làm bài.</p> <p>- Yêu cầu học sinh nêu cách đặt tính và thực hiện các phép tính trong bài.</p>	<p>vở, trong đó có 6 quyển bìa đỏ</p> <p>- Tìm số vở có bìa xanh</p> <p style="text-align: center;">Bài giải</p> <p style="text-align: center;">Số quyển vở bìa xanh là:</p> <p style="text-align: center;">$12 - 6 = 6$ (quyển)</p> <p style="text-align: center;">Đáp số: 6 quyển vở</p> <p>- Học sinh nhận xét</p> <p>- Học sinh tự làm bài rồi báo cáo kết quả với giáo viên.</p> <p>- Vì $12 = 12$ và $9 = 2 + 7$</p> <p>- Học sinh làm bài, báo cáo với giáo viên.</p> <table style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <tr> <td style="text-align: center;">12</td> <td style="text-align: center;">12</td> <td style="text-align: center;">12</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">$\frac{-7}{5}$</td> <td style="text-align: center;">$\frac{-3}{8}$</td> <td style="text-align: center;">$\frac{-9}{3}$</td> </tr> </table> <p>- Học sinh trả lời.</p>	12	12	12	$\frac{-7}{5}$	$\frac{-3}{8}$	$\frac{-9}{3}$
12	12	12					
$\frac{-7}{5}$	$\frac{-3}{8}$	$\frac{-9}{3}$					
<p>3. HD vận dụng, ứng dụng: (3 phút)</p> <p>- Yêu cầu học sinh đọc lại bảng công thức 12 trừ đi một số.</p> <p>- Gv chốt KT bài học</p>							
<p>4. HD sáng tạo: (1 phút)</p> <p>- Bài toán: Có 22 quả trứng, trong đó có 8 quả trứng gà, còn lại là trứng vịt. Hỏi có bao nhiêu quả trứng vịt?</p> <p>- Giáo viên nhận xét tiết học</p> <p>- Dặn học sinh về xem lại bài học trên lớp. Xem trước bài: 32 - 8</p>							

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Thứ tư ngày 14 tháng 11 năm 2018

THỂ DỤC:

**ĐI THƯỜNG THEO NHỊP.
TRÒ CHƠI “BỎ KHĂN”.**

I/ MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Giúp học sinh:

- Bước đầu thực hiện được đi thường theo nhịp (nhịp 1 bước chân trái, nhịp 2 bước chân phải).

- Ôn trò chơi *Bỏ khăn*. Yêu cầu biết cách chơi và tham gia vào chơi tương đối chủ động.

2. Kỹ năng: Rèn sức bền, dẻo, khéo léo. Tác phong nhanh nhẹn.

3. Thái độ: Có ý thức chấp hành, tuân thủ kỷ luật, tuân thủ luật chơi. Yêu thích vận động, thích tập luyện thể dục thể thao.

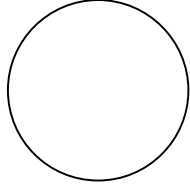
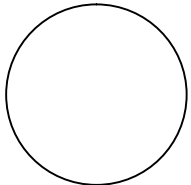
4. Năng lực: Góp phần hình thành và phát triển năng lực tự học, NL vận động cơ bản và phát triển các tố chất thể lực, NL hoạt động thể dục, thể thao, NL giao tiếp – hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL quan sát – Thực hành,...


II/ ĐỊA ĐIỂM - PHƯƠNG TIỆN:

- Địa điểm : Sân trường. Vệ sinh an toàn nơi tập.

- Phương tiện: Còi, 1 khăn.

III/ NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP LÊN LỚP:

NỘI DUNG	ĐỊNH LƯỢNG	PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC
<p><u>I/ MỞ ĐẦU</u></p> <p>- Giáo viên: Nhận lớp phổ biến nội dung yêu cầu giờ học</p> <p>- Học sinh đứng tại chỗ vỗ tay và hát</p> <p>Học sinh chạy một vòng trên sân tập</p> <p>Thành vòng tròn, đi thường....bước. Thôi !</p> <p><i>*Trò chơi: Có chúng em</i></p> <p>-HS tham gia chơi vui vẻ, an toàn</p> <p>- Giáo viên nhận xét.</p> <p>- Quan sát, nhắc nhở học sinh khởi động các khớp: cổ, cổ tay, hông, gối,...</p> <p>* Ôn bài thể dục phát triển chung: Do cán sự lớp điều khiển.</p>	4p	 <p style="text-align: center;">Đội hình</p> <p style="text-align: center;">* * * * *</p> <p style="text-align: center;">* * * * *</p> <p style="text-align: center;">* * * * *</p> <p style="text-align: center;">* * * * *</p>
<p><u>II/ CƠ BẢN:</u></p> <p>Việc 1: Đi thường theo nhịp</p> <p>- GV điều khiển cho lớp tập.</p> <p>- Cán sự điều khiển, gv theo dõi sửa sai cho từng hs.</p> <p>- Chia tổ tập luyện.</p>	1 lần, 2x8 nhịp 26p 16p	<p style="text-align: center;">GV</p> <p style="text-align: center;">Đội hình</p> <p style="text-align: center;">* * * * *</p> <p style="text-align: center;">* * * * *</p> <p style="text-align: center;">* * * * *</p> <p style="text-align: center;">* * * * *</p>
<p>Việc 2: Trò chơi <i>Bỏ khăn</i></p>	10p	<p style="text-align: center;">GV</p> 

 <p>- Giáo viên hướng dẫn và tổ chức học sinh chơi - Giáo viên nhận xét (<i>Khích lệ tham gia tích cực: Hằng, Kỳ Anh...</i>)</p> <p>III/ KẾT THÚC:</p> <p>- Học sinh đứng tại chỗ vỗ tay hát - Hướng dẫn cho học sinh các động tác thả lỏng toàn thân - Hệ thống lại bài học và nhận xét giờ học - Dẫn học sinh về nhà ôn 8 động tác thể dục đã học.</p>	5p	Đội hình xuống lớp * GV
--	----	--

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

.....

LUYỆN TỪ VÀ CÂU:

MỞ RỘNG VỐN TỪ: TỪ NGỮ VỀ ĐỒ DÙNG VÀ CÔNG VIỆC TRONG NHÀ

I. MỤC TIÊU:

- 1. Kiến thức:** Nêu được một số từ ngữ chỉ đồ vật và tác dụng của đồ vật vẽ ẩn trong trang (BT1); tìm được từ ngữ chỉ công việc đơn giản trong nhà có trong bài thơ *Thỏ thẻ* (BT2)
- 2. Kỹ năng:** Giúp học sinh mở rộng vốn từ ngữ về đồ dùng và công việc trong nhà.
- 3. Thái độ:** Giáo dục học sinh yêu thích môn học.
- 4. Năng lực:** Góp phần hình thành và phát triển năng lực: Tự chủ và tự học; Giao tiếp và hợp tác; Giải quyết vấn đề và sáng tạo; Ngôn ngữ; Văn học; Thẩm mỹ.

II. CHUẨN BỊ:

- 1. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:**
 - Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, trò chơi học tập.
 - Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, “động não”
 - Hình thức dạy học cả lớp, theo nhóm, cá nhân.
- 2. Đồ dùng dạy học:**
 - Giáo viên: Tranh minh hoạ bài tập 1 trong sách giáo khoa.
 - Học sinh: Vở bài tập Tiếng Việt

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :

Hoạt động dạy	Hoạt động học
<p>1. HĐ khởi động: (3 phút)</p> <ul style="list-style-type: none"> - TBHT điều hành trò chơi: Truyền điện: +Nội dung: Kể tên các đồ dùng có trong nhà mình. - Giáo viên tổng kết trò chơi, nhận xét, tuyên dương học sinh. - Giới thiệu bài mới - Ghi đầu bài lên bảng: Mở rộng vốn từ: Từ ngữ về đồ dùng và công việc trong nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh tham gia chơi. - Lắng nghe. - Học sinh mở sách giáo khoa và vở Bài tập.
<p>2. HĐ thực hành (27 phút)</p> <p>*Mục tiêu: Nêu được một số từ ngữ chỉ đồ vật và tác dụng của đồ vật vẽ ẩn trong trang (BT1); tìm được từ ngữ chỉ công việc đơn giản trong nhà có trong bài thơ Thỏ thẻ (BT2)</p> <p>*Cách tiến hành: Làm việc theo nhóm -> Làm việc cả lớp</p>	
<p>Bài tập 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 1 học sinh đọc đề bài. - Treo bức tranh - Chia lớp thành 4 nhóm. Phát cho mỗi nhóm 1 tờ giấy, 1 bút dạ và yêu cầu viết thành 2 cột: tên đồ dùng và ý nghĩa công dụng của chúng. - Gọi các nhóm đọc bài của mình và các nhóm có ý kiến khác bổ sung - Giáo viên nhận xét và kết luận -GV kết luận: - Yêu cầu học sinh nhắc lại. <p>Bài tập 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 1 học sinh đọc yêu cầu. - 2 học sinh đọc bài thơ Thỏ thẻ 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 học sinh đọc, cả lớp đọc thầm - Học sinh quan sát - Tìm các đồ vật được ẩn trong bức tranh và cho biết mỗi đồ vật dùng để làm gì? - Hoạt động theo nhóm. Các nhóm tìm đồ dùng và ghi các nội dung vào phiếu theo yêu cầu. - Đọc và bổ sung *Dự kiến ND chia sẻ: <i>Lời giải: 1 bát hoa to để đựng thức ăn. 1 cái thìa để xúc thức ăn. 1 chảo có tay cầm để rán, xào thức ăn. 1 bình in hoa (cốc in hoa) đựng nước lọc. 1 chén to có tai để uống trà. 2 đĩa hoa để đựng thức ăn. 1 ghế tựa để ngồi. 1 cái kiềng để bắc bếp. 1 cái thớt để thái, 1 con dao để thái. 1 cái thang giúp trèo cao, 1 cái giá treo mũ áo, 1 cái bàn đặt đồ vật và ngồi làm việc. 1 bàn học sinh, 1 cái chổi để quét nhà. 1 cái nồi có hai tai (quai) để nấu thức ăn. 1 đàn ghi ta để chơi nhạc.</i> - Học sinh đọc bài - 2 học sinh đọc thành tiếng, cả lớp theo dõi.

<p>*GV giao nhiệm vụ *TBHT điều hành HĐ chia sẻ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm những từ ngữ chỉ những việc mà bạn nhỏ muốn làm giúp ông? - Bạn nhỏ muốn ông làm giúp những việc gì? - Những việc bạn nhỏ muốn làm giúp ông nhiều hơn hay những việc bạn nhờ ông giúp nhiều hơn? - Bạn nhỏ trong bài thơ có nét gì ngộ nghĩnh? - Ở nhà em thường làm việc gì giúp gia đình? - Em thường nhờ người lớn làm những việc gì? <i>Theo dõi, giúp đỡ đối tượng M1 hoàn thành BT</i> 	<ul style="list-style-type: none"> -HĐ theo cặp -Chia sẻ ND bài -Dự kiến ND chia sẻ: - Đun nước, rút rạ - Xách xiêu nước, ôm rạ, đập lửa, thổi khói - Việc bạn nhờ ông giúp nhiều hơn - Bạn muốn đun nước tiếp khách nhưng lại chỉ biết mỗi việc rút rạ nên ông phải làm hết, ông buồn cười. Thế thì lấy ai ngồi tiếp khách? - Tùy câu trả lời của học sinh. Càng nhiều học sinh nói càng tốt. - Học sinh nêu.
<p>3. HĐ vận dụng, ứng dụng: (3 phút)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỏi lại tựa bài. - Trò chơi: Truyền điện <p>Nội dung: Kể tên những việc em thường làm để giúp gia đình. <i>Lưu ý đối tượng M1, M2.</i></p>	
<p>4. HĐ sáng tạo (2 phút)</p> <ul style="list-style-type: none"> -Viết một đoạn văn khoảng 5 – 7câu kể về việc em đã làm giúp đỡ gia đình - Nhận xét tiết học. Tuyên dương những học sinh có tinh thần học tập tốt. - Nhắc nhở học sinh về nhà xem lại bài đã làm, chuẩn bị bài: Từ ngữ về tình cảm gia đình. 	

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

TOÁN:

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Biết thực hiện phép trừ có nhớ trong phạm vi 100, dạng $32 - 8$.
- Biết giải bài toán có một phép trừ dạng $32 - 8$
- Biết tìm số hạng của một tổng.

2. Kỹ năng: Rèn cho học sinh kỹ năng làm tính trừ có nhớ trong phạm vi 100, dạng $32 - 8$, giải bài toán có một phép trừ dạng $32 - 8$ và tìm số hạng của một tổng.

3. Thái độ: Giáo dục học sinh tính cẩn thận, gọn gàng, khoa học. Yêu thích học toán.

*Bài tập cần làm: bài tập 1 (dòng 1), bài tập 2 (phần a, b), bài tập 3, bài tập 4.

4. Năng lực: Góp phần hình thành và phát triển năng lực: Tự chủ và tự học; Giải quyết vấn đề và sáng tạo; Tư duy và lập luận toán học; Mô hình hóa toán học; Giao tiếp toán học.

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng dạy học:

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bộ thực hành toán, que tính.
- Học sinh: Sách giáo khoa, vở, bảng con, que tính.

2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, T/C học tập.
- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, tia chớp, kỹ thuật động não
- Hình thức dạy học cả lớp, cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động dạy	Hoạt động học
1. HĐ khởi động: (3 phút)	
<ul style="list-style-type: none">- Tổ chức cho lớp chơi trò chơi: <i>Xì điện</i>+ND cho học sinh thi đua đọc thuộc bảng công thức 12 trừ đi một số.- Giáo viên nhận xét chung, tuyên dương học sinh.- Giới thiệu bài mới và ghi đầu bài lên bảng: <i>32 - 8</i>	<ul style="list-style-type: none">- Học sinh tham gia thi đua.- Lắng nghe.- Học sinh mở sách giáo khoa, trình bày bài vào vở.
2. HĐ hình thành kiến thức mới: (15 phút) *Mục tiêu: Biết thực hiện phép trừ có nhớ trong phạm vi 100, dạng $32 - 8$. *Cách tiến hành:	
<p>Việc 1: Nêu vấn đề Làm việc cả lớp</p> <ul style="list-style-type: none">- Nêu: Có 32 que tính, bớt đi 8 que tính. Hỏi còn bao nhiêu que tính?- Để biết còn lại bao nhiêu que tính chúng ta phải làm như thế nào?- Viết lên bảng $32 - 8$ <p>Việc 2: Đi tìm kết quả Làm việc cặp đôi -> Chia sẻ trước lớp</p> <ul style="list-style-type: none">- Yêu cầu 2 em ngồi cạnh nhau thảo luận, tìm cách bớt đi 8 que tính và nêu số que còn lại.- Còn lại bao nhiêu que tính?	<ul style="list-style-type: none">- Nghe và nhắc lại đề toán- Chúng ta phải thực hiện phép trừ: $32 - 8$.- Thảo luận theo cặp. Trải nghiệm thao tác trên que tính- Còn lại 24 que tính.

<p>- Em làm thế nào để tìm ra 24 que tính?</p> <p>- Vậy 32 que tính bớt 8 que tính còn bao nhiêu que tính?</p> <p>- Vậy 32 trừ 8 bằng bao nhiêu?</p> <p>Việc 3: Đặt tính và thực hiện tính (Kĩ thuật tính) Làm việc cá nhân-cả lớp</p> <p>- Gọi 1 học sinh lên bảng đặt tính. Sau đó yêu cầu nói rõ cách đặt tính, cách thực hiện phép tính.</p> <p>- Em đặt tính như thế nào?</p> <p>- Tính từ đâu đến đâu? Hãy nhẩm to kết quả của từng bước.</p> <p>- Yêu cầu nhiều học sinh nhắc lại cách đặt tính và thực hiện phép tính.</p> <p><i>Lưu ý giúp đỡ đối tượng M1, M2</i></p>	<p>- Có 3 bó que tính và 2 que tính rời. Đầu tiên bớt 2 que tính rời. Sau đó, tháo 1 bó thành 10 que tính rời và bớt tiếp 6 que tính nữa. Còn lại 2 bó que tính và 4 que tính rời là 24 que tính (Học sinh có thể bớt theo nhiều cách khác nhau).</p> <p>- 32 que tính, bớt 8 que tính còn 24 que tính</p> <p>- 32 trừ 8 bằng 24</p> $\begin{array}{r} 32 \\ - 8 \\ \hline 24 \end{array}$ <p>- Viết 32 rồi viết 8 xuống dưới thẳng cột với 2. Viết dấu – và kẻ vạch ngang</p> <p>- Tính từ phải sang trái. 2 không trừ được 8 lấy 12 trừ 8 bằng 4, viết 4, nhớ 1, 3 trừ 1 bằng 2 viết 2.</p> <p>- Học sinh nhắc lại.</p>
<p>3. HĐ thực hành: (14 phút)</p> <p>*Mục tiêu:</p> <p>- Biết thực hiện phép trừ có nhớ trong phạm vi 100, dạng 32 – 8.</p> <p>- Biết giải bài toán có một phép trừ dạng 32- 8</p> <p>- Biết tìm số hạng của một tổng.</p> <p>*Cách tiến hành:</p>	
<p>Bài 1 (dòng 1): Làm việc cá nhân</p> <p>- Gọi học sinh đọc yêu cầu bài</p> <p>- Yêu cầu học sinh tự làm bài. Gọi 3 học sinh lên bảng làm bài.</p> <p>- Nêu cách thực hiện phép tính: 52 – 9, 72 – 8, 92 – 4</p> <p>- Nhận xét và tuyên dương học sinh.</p> <p>Bài 2 (phần a, b): Làm việc cả lớp-cá nhân</p> <p>- Yêu cầu học sinh đọc yêu cầu của bài.</p> <p>- Để tính được hiệu ta làm như thế nào?</p>	<p>- 1 học sinh đọc; cả lớp đọc thầm</p> <p>- Làm bài cá nhân</p> <p>- Dự kiến KQ chia sẻ:</p> $\begin{array}{r} 52 \\ - 9 \\ \hline 43 \end{array} \quad \begin{array}{r} 82 \\ - 4 \\ \hline 78 \end{array} \quad \begin{array}{r} 22 \\ - 3 \\ \hline 19 \end{array} \quad \begin{array}{r} 62 \\ - 7 \\ \hline 55 \end{array} \quad \begin{array}{r} 42 \\ - 6 \\ \hline 36 \end{array}$ <p>- Học sinh trả lời.</p> <p>- Lắng nghe.</p> <p>- Đọc đề bài.</p> <p>- Ta lấy số bị trừ, trừ đi số trừ</p>

- Yêu cầu học sinh làm bài. 2 học sinh làm trên bảng lớp.

- Gọi học sinh nhận xét bài của bạn trên bảng

- Yêu cầu 2 học sinh lên bảng nêu lại cách đặt tính và thực hiện phép tính của mình

- Giáo viên nhận xét chung.

Bài 3: Làm việc cả lớp-cá nhân

- Gọi 1 học sinh đọc đề bài

- Cho đi nghĩa là thế nào?

- Yêu cầu học sinh tự ghi tóm tắt và giải.

- Giáo viên chấm nhanh một số em.

- Giáo viên nhận xét.

Bài 4: Trò chơi

- Gọi 2 học sinh đọc yêu cầu của bài

- x là gì trong các phép tính của bài?

- Muốn tìm số hạng chưa biết ta làm thế nào?

- Yêu cầu học sinh làm bài trên bảng lớp. Cả lớp làm vào vở.

- Cho học sinh nhận xét bài trên bảng.

- Giáo viên nhận xét, tuyên dương học sinh.

Lưu ý giúp đỡ để đối tượng M1 hoàn thành BT

🔴 Bài tập PTNL:

Bài tập 1 (dòng 2) (M3): Yêu cầu học sinh tự làm bài rồi báo cáo kết quả với giáo viên.

Bài toán (M4): Một tổ ong có 32 con ong. Có 9 con ong bay đi tìm mật. Hỏi tổ ong còn lại bao nhiêu con?

$$\begin{array}{r} 72 \\ - 7 \\ \hline 65 \end{array} \quad \begin{array}{r} 42 \\ - 6 \\ \hline 36 \end{array}$$

- Nhận xét từng bài cả về cách đặt tính cũng như thực hiện phép tính

- 2 học sinh lần lượt trả lời.

- Đọc đề bài.

- Nghĩa là bớt đi, trừ đi

- Học sinh thực hiện.

**Dự kiến KQ chia sẻ:*

Bài giải

Số nhãn vở Hoà còn lại là:

$$22 - 9 = 13 \text{ (nhãn vở)}$$

Đáp số: 13 nhãn vở

- Lắng nghe.

- Tìm x

- x là số hạng chưa biết trong phép cộng.

- Lấy tổng trừ đi số hạng đã biết

- Làm bài tập:

a) $x + 7 = 42$

$$x = 42 - 7$$

$$x = 35$$

b) $5 + x = 62$

$$x = 62 - 5$$

$$x = 57$$

- Học sinh nhận xét.

- Học sinh lắng nghe.

- Học sinh tự làm rồi báo cáo kết quả với giáo viên

**Dự kiến KQ bài làm:*

$$\begin{array}{r} 32 \\ - 5 \\ \hline 27 \end{array} \quad \begin{array}{r} 72 \\ - 8 \\ \hline 64 \end{array} \quad \begin{array}{r} 12 \\ - 9 \\ \hline 3 \end{array} \quad \begin{array}{r} 52 \\ - 3 \\ \hline 49 \end{array} \quad \begin{array}{r} 92 \\ - 4 \\ \hline 88 \end{array}$$